

**PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN
ĐIỀU TRA THỐNG KÊ QUỐC GIA VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ
NĂM 2021**

<i>Thực hiện Quyết định số 1437/QĐ-BCT ngày 21 tháng 5 năm 2021 Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt phương án thực hiện Điều tra thống kê quốc gia về thương mại điện tử năm 2021.</i>	<i>Nghĩa vụ cung cấp thông tin được quy định theo Luật Thống kê</i>
	<i>Các thông tin cung cấp trong phiếu này chỉ phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo Luật định</i>

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

1. Tên doanh nghiệp:

(Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu)

Mã số thuế

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

2. Địa chỉ doanh nghiệp

- Tỉnh/thành phố:.....

- Huyện/quận (Thị xã, TP thuộc tỉnh):.....

- Xã/ phường/thị trấn:.....

- Thôn ấp (số nhà, đường phố):.....

Mã khu vực

Số máy

- Số điện thoại

- Số fax:

- Địa chỉ email:.....

3. Loại hình doanh nghiệp (chỉ chọn 1 câu trả lời)

- Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước
- Công ty cổ phần, Công ty TNHH hai thành viên trở lên có vốn nhà nước > 50%
- Công ty nhà nước
- Công ty cổ phần, Công ty TNHH có vốn nhà nước ≤ 50%
- Doanh nghiệp tư nhân
- Công ty hợp danh
- Công ty TNHH
- Công ty cổ phần không có vốn Nhà nước

- Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài
- Doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài

4. Các lĩnh vực kinh doanh chủ yếu (có thể chọn 1 hoặc nhiều câu trả lời)

- Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản
- Khai khoáng
- Công nghiệp chế biến, chế tạo
- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí
- Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải
- Xây dựng
- Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác
- Vận tải, kho bãi
- Dịch vụ lưu trú và ăn uống
- Thông tin và truyền thông
- Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm
- Hoạt động kinh doanh bất động sản
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ
- Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ
- Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội; quản lý Nhà nước, an ninh quốc phòng; đảm bảo xã hội bắt buộc
- Giáo dục và đào tạo
- Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội
- Nghệ thuật, vui chơi và giải trí
- Hoạt động dịch vụ khác
- Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình

II. TÌNH HÌNH ỨNG DỤNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ CỦA DOANH NGHIỆP

1. Doanh nghiệp sử dụng Internet trong hoạt động sản xuất kinh doanh không? (chỉ chọn 1 câu trả lời)

- Có
- Không

2. Doanh nghiệp có thường xuyên sử dụng e-mail trong hoạt động sản xuất kinh doanh không? (chỉ chọn 1 câu trả lời)

- Có
- Không

3. Doanh nghiệp có sở hữu website thương mại điện tử không? (chỉ chọn 1 câu trả lời)

- Có
- Không

Nếu có, địa chỉ website của doanh nghiệp:.....

4. Doanh nghiệp có sở hữu ứng dụng bán hàng trực tuyến không? (chỉ chọn 1 câu trả lời)

- Có Không

5. Tỷ lệ chi phí các hạng mục sau trong tổng chi phí mua sắm, trang bị và ứng dụng công nghệ thông tin và thương mại điện tử của doanh nghiệp trong các năm 2019, 2020 và dự kiến năm 2021 là (tổng 5 tỷ lệ phải bằng 100%):

Nội dung chi phí	Năm 2019	Năm 2020	Dự kiến 2021
5.1. Tỷ lệ % chi phí mua, nâng cấp, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống cơ sở hạ tầng và phần cứng			
5.2. Tỷ lệ % chi phí mua, thuê các phần mềm máy tính, các ứng dụng			
5.3. Tỷ lệ % chi phí đào tạo, tập huấn, hướng dẫn nhân viên sử dụng phần cứng và phần mềm			
5.4 Tỷ lệ % chi phí tiền lương trả cho nhân viên chuyên trách			
5.5. Tỷ lệ % chi phí khác			
Tổng cộng:	100%	100%	100%

6. Doanh nghiệp có áp dụng biện pháp bảo mật công nghệ thông tin và thương mại điện tử không ?

- Có Không

Nếu có, có thể chọn 1 hoặc nhiều biện pháp bảo mật công nghệ thông tin và thương mại điện tử sau:

- Tường lửa
- Phần mềm diệt virus
- Khóa bằng các loại mật mã
- Chữ ký điện tử
- Bảo vệ vật lý (khóa cứng, hạn chế sử dụng thiết bị)
- Biện pháp khác:.....

7. Doanh nghiệp có sử dụng phần mềm tác nghiệp phục vụ hoạt động thương mại điện tử không ?

- Có Không

Nếu có, có thể chọn 1 hoặc nhiều phần mềm tác nghiệp phục vụ hoạt động thương mại điện tử sau:

- Soạn thảo văn bản (Microsoft Office)

- Quản lý nhân sự
- Kế toán, tài chính
- Quản lý hệ thống cung ứng (SCM)
- Quan hệ khách hàng (CRM)
- Lập kế hoạch nguồn lực (ERP)
- Phần mềm khác (ghi rõ tên phần mềm):

8. Doanh nghiệp thực hiện giao dịch thương mại điện tử với khách hàng/đối tác (chọn cho từng năm)

- 8.1. Năm 2019: Có Không
- 8.2. Năm 2020: Có Không
- 8.3. Dự kiến năm 2021: Có Không

9. Doanh nghiệp có thực hiện việc đặt hàng qua mạng Internet (bằng email, qua các sàn giao dịch thương mại điện tử, tại website của đối tác) ít nhất một lần/tháng không? (chọn cho từng năm)

- 9.1. Năm 2019: Có Không
- 9.2. Năm 2020: Có Không
- 9.3. Dự kiến năm 2021: Có Không

10. Doanh nghiệp có nhận đơn đặt hàng qua mạng Internet (bằng email, qua các sàn giao dịch thương mại điện tử, tại website của đối tác) ít nhất một lần/tháng không? (chọn cho từng năm)

- 10.1. Năm 2019: Có Không
- 10.2. Năm 2020: Có Không
- 10.3. Dự kiến năm 2021: Có Không

11. Tỷ lệ doanh thu bán hàng trực tuyến trong tổng giá trị bán hàng của doanh nghiệp theo từng năm là:

- 11.1. Năm 2019:%.
- 11.2. Năm 2020:%.
- 11.3. Dự kiến 2021:%.

12. Tỷ lệ giá trị mua hàng trực tuyến trong tổng giá trị mua hàng của doanh nghiệp theo từng năm là:

- 12.1. Năm 2019:%.
- 12.2. Năm 2020:%.
- 12.3. Dự kiến 2021:%.

13. Doanh nghiệp tham gia giao dịch trên website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử không? (chọn cho từng năm)

- 13.1. Năm 2019: Có Không

13.2. Năm 2020: Có Không

13.3. Dự kiến năm 2021: Có Không

14. Doanh nghiệp có sử dụng dịch vụ công trực tuyến hay không? (chọn cho từng năm)

14.1. Năm 2019: Có Không

14.2. Năm 2020: Có Không

14.3. Dự kiến năm 2021: Có Không

15. Doanh nghiệp có cung cấp dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử không ?

Có Không

Nếu có, có thể chọn cung cấp nhiều dịch vụ:

Cung cấp dịch vụ TMĐT (Sàn giao dịch TMĐT/Dịch vụ khuyến mại trực tuyến/Dịch vụ đấu giá trực tuyến)

Xây dựng và thiết kế website

Cung cấp các phần mềm tác nghiệp phục vụ TMĐT

Cung cấp giải pháp thanh toán

Chứng thực chữ ký số

Đào tạo về TMĐT

Tư vấn ứng dụng TMĐT

Các dịch vụ giá trị gia tăng khác về TMĐT

Dịch vụ hỗ trợ khác (ghi rõ):

....., ngày.....tháng.....năm 2021

Cán bộ điều tra

(Ký, họ tên)

Người trả lời phiếu

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU ĐIỀU TRA

Câu 1. Doanh nghiệp sử dụng Internet trong hoạt động sản xuất kinh doanh

- Chọn “Có” nếu doanh nghiệp đã giao kết hợp đồng với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet hoặc với đại lý Internet để sử dụng dịch vụ Internet, chọn “Không” nếu chưa giao kết hợp đồng.

Câu 2. Doanh nghiệp thường xuyên sử dụng e-mail trong hoạt động sản xuất kinh doanh

- Chọn “Có” nếu doanh nghiệp đã lắp đặt Internet và sử dụng email vì mục đích sản xuất kinh doanh (trao đổi thông tin với đối tác, quảng cáo, gửi và nhận đơn đặt hàng) với tần suất thường xuyên (ít nhất 1 tuần/1 lần), chọn “Không” nếu chưa thực hiện

Câu 3. Doanh nghiệp sở hữu website thương mại điện tử

- Chọn “Có” nếu doanh nghiệp đã xây dựng và vận hành website riêng, chọn “Không” nếu chưa xây dựng.

- Nếu lựa chọn “Có”, vui lòng cung cấp địa chỉ website.

Câu 4. Doanh nghiệp có sở hữu ứng dụng bán hàng trực tuyến

- Chọn “Có” nếu doanh nghiệp sở hữu ít nhất một (01) ứng dụng bán hàng trên thiết bị di động, chọn “Không” nếu chưa từng sở hữu

Câu 5. Tỷ lệ chi phí các hạng mục sau trong tổng chi phí mua sắm, trang bị và ứng dụng công nghệ thông tin và thương mại điện tử của doanh nghiệp trong các năm 2019, 2020 và dự kiến năm 2021

Chi phí ứng dụng công nghệ thông tin và thương mại điện tử bao gồm toàn bộ chi phí được thương nhân đầu tư cho các hạng mục:

- Mua, nâng cấp, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống cơ sở hạ tầng và phần cứng công nghệ thông tin và thương mại điện tử.

- Chi phí mua, thuê các phần mềm máy tính, các ứng dụng công nghệ thông tin và thương mại điện tử.

- Chi phí đào tạo, tập huấn, hướng dẫn nhân viên sử dụng các phần cứng và phần mềm công nghệ thông tin và thương mại điện tử.

- Chi phí tiền lương trả cho nhân viên chuyên trách về công nghệ thông tin và thương mại điện tử.

- Các chi phí khác liên quan như tiền thuê bao internet hàng tháng, tiền duy trì và vận hành website, phí tham gia các sàn giao dịch thương mại điện tử,...

Người điền phiếu cung cấp số liệu tỷ lệ % chi phí từng hạng mục trong tổng chi phí mua sắm, trang bị và ứng dụng CNTT và TMĐT của doanh nghiệp theo từng năm.

Câu 6. Doanh nghiệp áp dụng biện pháp bảo mật công nghệ thông tin và thương mại điện tử

Doanh nghiệp áp dụng các biện pháp bảo mật bảo mật công nghệ thông tin và thương mại điện tử là các thương nhân áp dụng ít nhất một trong các biện pháp bảo mật nhằm đảm bảo an toàn cho thông tin, dữ liệu, máy móc của doanh nghiệp và khách hàng như:

- Tường lửa.
- Phần mềm diệt virus.
- Khóa bằng các loại mật mã.
- Chữ ký điện tử.
- Bảo vệ vật lý (khóa cứng, hạn chế sử dụng thiết bị).

Người điền phiếu lựa chọn biện pháp bảo mật CNTT và TMĐT mà doanh nghiệp đã áp dụng.

Câu 7. Doanh nghiệp có sử dụng những phần mềm tác nghiệp phục vụ hoạt động thương mại điện tử

Doanh nghiệp triển khai ứng dụng phần mềm tác nghiệp phục vụ hoạt động thương mại điện tử là các doanh nghiệp đã cài đặt và ứng dụng ít nhất một trong các phần mềm tác nghiệp phục vụ hoạt động thương mại điện tử sau:

- Soạn thảo văn bản (Microsoft Office).
- Quản lý nhân sự.
- Kế toán, tài chính.
- Quản lý hệ thống cung ứng (SCM).
- Quan hệ khách hàng (CRM).
- Lập kế hoạch nguồn lực (ERP).

Người điền phiếu lựa chọn phần mềm tác nghiệp phục vụ hoạt động thương mại điện tử mà doanh nghiệp đã áp dụng.

Câu 8. Doanh nghiệp thực hiện giao dịch thương mại điện tử với khách hàng/đối tác

Doanh nghiệp thực hiện mua bán hàng hóa, dịch vụ, xúc tiến thương mại, quảng cáo, khuyến mại và các khâu khác trên mạng Internet (không bao gồm: Các đơn vị có trang thông tin điện tử nhưng chỉ dùng để quảng cáo, giới thiệu đơn vị; các đơn vị mua, bán hàng hóa, dịch vụ qua điện thoại, fax). Cụ thể:

- Đối với đơn vị bán hàng phải có hàng hóa, dịch vụ chào bán trên mạng Internet và có ít nhất một giao dịch bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện trên mạng Internet trong kỳ quan sát.

- Đối với đơn vị mua hàng phải đặt mua hàng hóa, dịch vụ trên mạng Internet và có ít nhất một giao dịch bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện trên mạng Internet trong kỳ quan sát.

Chọn “Có” nếu doanh nghiệp có thực hiện một giao dịch, chọn “Không” nếu doanh nghiệp không có giao dịch trong khoảng thời gian từng năm.

Câu 9. Doanh nghiệp có thực hiện việc đặt hàng qua mạng Internet (bằng email, qua các sàn giao dịch thương mại điện tử, tại website của đối tác) ít nhất một lần/tháng

Chọn “Có” nếu doanh nghiệp đã thực hiện việc đặt hàng qua mạng internet (bằng email, qua các sàn giao dịch thương mại điện tử, tại website của đối tác) ít nhất một lần/tháng theo từng năm, chọn “Không” nếu không thực hiện.

Câu 10. Doanh nghiệp có nhận đơn đặt hàng qua mạng Internet (bằng email, qua các sàn giao dịch thương mại điện tử, tại website của đối tác) ít nhất một lần/tháng

Chọn “Có” nếu doanh nghiệp đã nhận được đơn đặt hàng qua mạng Internet (bằng email, qua sàn giao dịch thương mại điện tử, tại website của thương nhân) ít nhất một lần/tháng theo từng năm, chọn “Không” nếu doanh nghiệp không nhận được đơn đặt hàng.

Câu 11. Tỷ lệ doanh thu bán hàng trực tuyến trong tổng giá trị bán hàng của doanh nghiệp

Giá trị bán hàng trực tuyến của doanh nghiệp là tổng giá trị các sản phẩm (hàng hóa và dịch vụ) doanh nghiệp bán cho các đối tác, trong đó đơn đặt hàng của đối tác được gửi tới thương nhân thông qua mạng internet (email, website). Giá trị bán hàng trực tuyến được tính tỷ lệ đối với tổng giá trị hàng hóa bán ra của doanh nghiệp.

Người điền phiếu cung cấp số liệu tỷ lệ % doanh thu trực tuyến trong tổng giá trị bán hàng của doanh nghiệp theo từng năm.

Câu 12. Tỷ lệ giá trị mua hàng trực tuyến trong tổng giá trị mua hàng của doanh nghiệp

Giá trị mua hàng trực tuyến là tổng giá trị các sản phẩm (hàng hóa và dịch vụ) doanh nghiệp đã đặt mua, trong đó đơn hàng được gửi đi thông qua mạng Internet (email, website). Giá trị mua hàng trực tuyến được tính tỷ lệ đối với tổng giá trị hàng hóa mua vào của doanh nghiệp.

Người điền phiếu cung cấp số liệu tỷ lệ % giá trị mua hàng trực tuyến trong tổng giá trị mua hàng của doanh nghiệp theo từng năm.

Câu 13. Doanh nghiệp tham gia giao dịch trên website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử, mạng xã hội

Chọn “Có” nếu doanh nghiệp tham gia giao dịch trên website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử của Việt Nam hoặc nước ngoài, chọn “Không” nếu không tham gia theo từng năm.

Câu 14. Doanh nghiệp có sử dụng dịch vụ công trực tuyến

Chọn “Có” nếu doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước Trung ương hoặc địa phương phục vụ cho hoạt động thương mại của mình ít nhất 1 lần trong kỳ thống kê, Chọn “Không” nếu không sử dụng theo từng năm

Câu 15. Doanh nghiệp có cung cấp dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử là các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hỗ trợ việc ứng dụng thương mại điện tử của người dân, doanh nghiệp và các tổ chức khác trong xã hội, bao gồm:

- Cung cấp dịch vụ thương mại điện tử, bao gồm dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử, dịch vụ khuyến mại trực tuyến, dịch vụ đấu giá trực tuyến.
- Xây dựng và thiết kế website.
- Cung cấp các phần mềm tác nghiệp phục vụ thương mại điện tử.
- Xung cấp giải pháp thanh toán.
- Chứng thực chữ ký số.
- Đào tạo về thương mại điện tử.
- Tư vấn ứng dụng thương mại điện tử.
- Các dịch vụ giá trị gia tăng khác về thương mại điện tử.

Người điền phiếu lựa chọn loại dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử mà doanh nghiệp cung cấp./.